

CÔNG TY CỔ PHẦN IN DIÊN HỒNG

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
đã được kiểm toán

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	05-20
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09-20

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần In Diên Hồng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần In Diên Hồng được thành lập theo Quyết định số 1574/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 29 tháng 03 năm 2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 187B - Giảng Võ - Đống Đa - Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đinh Ngọc Thực	Chủ tịch
Ông Hoàng Văn Thỏa	Ủy viên
Bà Trần Thị Lan	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đinh Ngọc Thực	Giám đốc
Ông Hoàng Văn Thỏa	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Trưởng ban
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Ủy viên
Ông Trịnh Hữu Lợi	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN DIÊN HỒNG

Số 187B - Giảng Võ - Đống Đa - Hà Nội

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc

Đinh Ngọc Thục

Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2012

Số: /2012/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
của Công ty Cổ phần In Diên Hồng**

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần In Diên Hồng**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần In Diên Hồng được lập ngày 10 tháng 01 năm 2012, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày từ trang 05 đến trang 20 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần In Diên Hồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Chúng tôi xin lưu ý:

Như vấn đề đã nêu tại Thuyết minh số 19-Thông tin chung về các dự án đầu tư trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính: "Công ty đang có kế hoạch di dời văn phòng và các xưởng sản xuất từ địa chỉ hiện tại số 187B - Giảng Võ - Đống Đa - Hà Nội ra ngoại thành Hà Nội. Đến thời điểm hiện tại Công ty chưa nhận được các văn bản pháp lý chính thức của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam liên quan đến việc lấy lại diện tích đất văn phòng và xưởng sản xuất của Công ty tại địa chỉ Số 187B - Giảng Võ - Đống Đa - Hà Nội nên Công ty cũng chưa có các quyết định chính thức bằng văn bản nào liên quan đến việc di dời này". Việc di dời này có thể ảnh hưởng đến quá trình sản xuất kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong các kỳ kế toán tiếp theo.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**

Ngô Đức Đoàn

Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số: Đ0052/KTV

Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2012

Nguyễn Tuấn Anh

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số: 1369/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		9.973.154.056	20.316.250.188
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	2.489.748.763	1.526.235.448
111	1. Tiền		789.748.763	1.526.235.448
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.700.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.955.529.366	8.232.451.520
131	1. Phải thu của khách hàng		1.362.710.342	2.026.037.120
132	2. Trả trước cho người bán		295.000.000	2.693.453.200
135	5. Các khoản phải thu khác	4	1.542.782.855	3.572.195.430
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(244.963.831)	(59.234.230)
140	IV. Hàng tồn kho	5	3.629.624.533	10.234.606.048
141	1. Hàng tồn kho		3.629.624.533	10.234.606.048
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		898.251.394	322.957.172
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		777.368.735	223.875.538
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	6	292.935	286.838
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	7	120.589.724	98.794.796
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		17.208.447.755	5.955.080.143
220	II. Tài sản cố định		17.208.447.755	5.955.080.143
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	17.208.447.755	5.948.480.143
222	- Nguyên giá		32.984.102.456	20.045.761.837
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(15.775.654.701)	(14.097.281.694)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	6.600.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		27.181.601.811	26.271.330.331

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		3.454.297.861	10.505.205.074
310	I. Nợ ngắn hạn		3.170.022.136	10.251.719.415
312	2. Phải trả người bán		1.712.698.968	8.868.365.508
313	3. Người mua trả tiền trước		-	175.524.994
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9	-	33.679.387
315	5. Phải trả người lao động		249.308.854	-
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	10	1.221.703.000	1.235.581.351
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(13.688.686)	(61.431.825)
330	II. Nợ dài hạn		284.275.725	253.485.659
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		284.275.725	253.485.659
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		23.727.303.950	15.766.125.257
410	I. Vốn chủ sở hữu	11	23.727.303.950	15.766.125.257
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		26.280.420.000	13.831.800.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		1.454.245.544	1.454.245.544
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		32.805.890	9.265.162
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(4.040.167.484)	470.814.551
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		27.181.601.811	26.271.330.331

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
4. Nợ khó đòi đã xử lý		3.166.158	3.166.158

Trần Thị Lan
Kế toán trưởng

Đinh Ngọc Thực
Giám đốc

Lập, ngày 10 tháng 01 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		15.570.865.011	25.205.438.009
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	12	15.570.865.011	25.205.438.009
11	4. Giá vốn hàng bán	13	17.849.433.933	22.921.363.415
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(2.278.568.922)	2.284.074.594
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	14	288.262.815	52.612.934
22	7. Chi phí tài chính	15	77.986.477	346.471.300
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		77.986.477	346.471.300
24	8. Chi phí bán hàng		274.135.487	253.556.353
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		2.395.237.431	2.053.503.033
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		(4.737.665.502)	(316.843.158)
31	11. Thu nhập khác		807.303.584	1.110.181.395
32	12. Chi phí khác		162.739.750	138.037.819
40	13. Lợi nhuận khác		644.563.834	972.143.576
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(4.093.101.668)	655.300.418
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	16	-	184.485.867
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>(4.093.101.668)</u>	<u>470.814.551</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	17	(2.132)	340

Trần Thị Lan
Kế toán trưởng

Đinh Ngọc Thực
Giám đốc

Lập, ngày 10 tháng 01 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Năm 2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		18.206.952.330	28.576.965.392
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(11.795.411.939)	(12.215.525.230)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(3.553.190.128)	(4.421.777.541)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(77.986.477)	(346.471.300)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(31.991.587)	(159.343.313)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		86.347.592	302.184.440
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.399.712.672)	(2.382.810.939)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.435.007.119	9.353.221.509
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(12.931.740.619)	(2.508.819.900)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		288.262.815	52.612.934
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(12.643.477.804)	(2.456.206.966)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		12.448.620.000	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		2.061.308.253	2.841.598.415
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(2.061.308.253)	(10.824.265.048)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(276.636.000)	(414.954.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		12.171.984.000	(8.397.620.633)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		963.513.315	(1.500.606.090)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		1.526.235.448	3.026.841.538
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	2.489.748.763	1.526.235.448

Trần Thị Lan

Kế toán trưởng

Đinh Ngọc Thục

Giám đốc

Lập, ngày 10 tháng 01 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2011****1 . THÔNG TIN CHUNG****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần In Diên Hồng được thành lập theo Quyết định số 1574/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 29 tháng 03 năm 2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 187B - Giảng Võ - Đống Đa - Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 26.280.420.000 đồng (Hai mươi sáu tỷ hai trăm tám mươi triệu bốn trăm hai mươi ngàn đồng). Tương đương với 2.628.042 cổ phần.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

Theo Giấy phép đăng ký kinh doanh lần đầu số 0101493697 ngày 13 tháng 05 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần 4 ngày 03/11/2011 của Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thì lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- In sách giáo khoa, sách khác, báo, tạp chí, tập san, nhãn, biểu, sản phẩm bao bì và các giấy tờ quản lý, kinh tế xã hội;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị ngành in;
- In tranh ảnh giáo dục;
- Sản xuất và mua bán thiết bị giáo dục;
- Đại lý phát hành sách giáo khoa, sách tham khảo và các ấn phẩm văn hóa khác;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa;
- Xuất nhập khẩu các loại vật tư, hàng hóa, thiết bị kỹ thuật in phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm: giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm khác.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	08 - 10 năm

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	28.322.019	110.544.362
Tiền gửi ngân hàng	761.426.744	1.415.691.086
Các khoản tương đương tiền	1.700.000.000	-
	2.489.748.763	1.526.235.448

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu về người lao động	-	2.231.343.740
Tiền đền bù giải phóng mặt bằng tại Hà Tây	848.605.300	848.605.300
Vật tư cho Công ty Đầu tư và Phát triển Giáo dục vay	578.311.768	317.380.268
Phải thu khác	115.865.787	174.866.122
	1.542.782.855	3.572.195.430

5 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.349.515.090	7.519.997.989
Công cụ, dụng cụ	10.300.527	12.349.282
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	85.181.595	2.298.750.202
Thành phẩm	383.103.248	402.405.138
Hàng gửi đi bán	801.524.073	1.103.437
Cộng giá gốc hàng tồn kho	3.629.624.533	10.234.606.048

6 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế Thu nhập cá nhân	292.935	286.838
	292.935	286.838

7 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng	120.589.724	98.794.796
	120.589.724	98.794.796

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

9 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	31.991.587
Thuế Thu nhập cá nhân	-	1.687.800
	<u>-</u>	<u>33.679.387</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

10 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	40.629.893	46.459.032
Bảo hiểm xã hội	52.390.928	72.616.022
Bảo hiểm thất nghiệp	5.652.300	5.267.506
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	35.000.000	33.000.000
Tạm ứng tiền đền bù đất của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	1.000.000.000	1.000.000.000
Phải trả, phải nộp khác	88.029.879	78.238.791
	<u>1.221.703.000</u>	<u>1.235.581.351</u>

11 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	26.280.420.000	13.831.800.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>13.831.800.000</i>	<i>13.831.800.000</i>
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	<i>12.448.620.000</i>	-
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>26.280.420.000</i>	<i>13.831.800.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	276.636.000	356.692.444
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>276.636.000</i>	<i>356.692.444</i>

d) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.628.042	1.383.180
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.628.042	1.383.180
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>2.628.042</i>	<i>1.383.180</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.628.042	1.383.180
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>2.628.042</i>	<i>1.383.180</i>
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.454.245.544	1.454.245.544
Quỹ dự phòng tài chính	32.805.890	9.265.162
	1.487.051.434	1.463.510.706

12 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán thành phẩm	15.570.865.011	25.205.438.009
	15.570.865.011	25.205.438.009

13 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	17.849.433.933	22.921.363.415
	17.849.433.933	22.921.363.415

14 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	288.262.815	52.612.934
	288.262.815	52.612.934

15 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền vay	77.986.477	346.471.300
	77.986.477	346.471.300

16 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(4.093.101.668)	655.300.418
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	82.643.047
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	82.643.047
Tổng lợi nhuận chịu thuế	(4.093.101.668)	737.943.465
Tổng lợi nhuận tính thuế	(4.093.101.668)	737.943.465
- Lợi nhuận không được hưởng ưu đãi thuế	(4.093.101.668)	737.943.465
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	184.485.867
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	184.485.867

17 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(4.093.101.668)	470.814.551
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(4.093.101.668)	470.814.551
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	1.920.112	1.383.180
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(2.132)	340

18 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu (*)	8.264.683.934	17.702.250.425
Chi phí nhân công	5.709.825.928	2.258.162.721
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.678.373.007	1.481.104.265
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.798.709.986	3.396.191.464
Chi phí khác bằng tiền	1.067.213.996	390.713.926
	20.518.806.851	25.228.422.801

(*) Sáu tháng cuối năm 2011, Công ty chủ yếu thực hiện các hợp đồng gia công in, chi phí nguyên vật liệu chính giấy in do các đơn vị đặt in cung cấp do đó Doanh thu và Giá vốn 6 tháng cuối năm so với 6 tháng đầu năm và năm 2011 so với năm 2010 có sự sụt giảm lớn.

19 . THÔNG TIN VỀ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Công ty đang có kế hoạch di dời văn phòng và các xưởng sản xuất từ địa chỉ hiện tại số 187B - Giảng Võ - Đống Đa - Hà Nội ra ngoại thành Hà Nội. Đến thời điểm hiện tại Công ty chưa nhận được các văn bản pháp lý chính thức của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam liên quan đến việc lấy lại diện tích đất văn phòng và xưởng sản xuất của Công ty tại địa chỉ Số 187B - Giảng Võ - Đống Đa - Hà Nội nên Công ty cũng chưa có các quyết định chính thức bằng văn bản nào liên quan đến việc di dời này.

20 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

21 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:**

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực in ấn theo đơn đặt hàng, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản.

Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

22 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ			
- Nhà XBGD Việt Nam	Công ty mẹ	165.222.527	74.356.353
- NXBGD tại Tp. Hà Nội	Cùng tập đoàn	14.976.252.585	16.292.064.497
- Tạp chí toán học tuổi trẻ	Cùng tập đoàn	10.909.091	328.425.168
- Tạp chí văn học tuổi trẻ	Cùng tập đoàn	54.204.545	612.351.043
- Tạp chí toán tuổi thơ	Cùng tập đoàn	554.059.146	619.067.809
- Công ty CP SGK tại TP Hồ Chí Minh	Cùng tập đoàn	-	1.913.568.411
- Công ty CP Sách ĐH - Dạy nghề	Cùng tập đoàn	544.845.343	1.035.023.399
- Công ty CP thiết kế và PHS Giáo dục	Cùng tập đoàn	10.436.361	17.000.000
- Công ty CP Học liệu Giáo dục Hà Nội	Cùng tập đoàn	43.644.907	91.461.688
- Công ty CP Sách Dân tộc	Cùng tập đoàn	42.549.000	749.680.972
- Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Cùng tập đoàn	1.533.499.872	1.295.863.445
- Công ty CP DV Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng tập đoàn	186.545.310	132.509.086
- Công ty CP In SGK tại Hà Nội	Cùng tập đoàn	23.295.250	-
- Công ty in SGK Hòa Phát	Cùng tập đoàn	186.400.000	-
- Công ty CP SGD tại TP. Đà Nẵng	Cùng tập đoàn	7.043.543	-
- Cty CP Mỹ thuật & Truyền thông	Cùng tập đoàn	17.900.000	-
- Cty CP Đầu tư & PT Công nghệ Văn Lang	Cùng tập đoàn	19.072.890	-
- Cty CP sách & TBGD Miền Bắc	Cùng tập đoàn	162.574.910	-

Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ

- Nhà XBGD Việt Nam	Công ty mẹ	2.352.234.605	4.245.460.804
- NXBGD tại Tp. Hà Nội	Cùng tập đoàn	15.000.000	-
- Công ty in SGK Hòa Phát	Cùng tập đoàn	93.900.000	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
		VND	VND

Phải thu tiền hàng

- Tạp chí văn học tuổi trẻ	ĐVTV NXB	-	65.704.560
- Tạp chí toán tuổi thơ	Cùng tập đoàn	149.993.000	100.000.000
- Công ty CP SGD tại TP Hồ Chí Minh	Cùng tập đoàn	1.004.772	205.930.025
- Công ty CP Sách ĐH - Dạy nghề	Cùng tập đoàn	50.000.000	100.000.000
- Công ty CP thiết kế và PHS Giáo dục	Cùng tập đoàn	-	270.000
- Công ty CP Học liệu Giáo dục Hà Nội	Cùng tập đoàn	40.009.398	8.000.000
- Công ty CP Sách Dân tộc	Cùng tập đoàn	187.616.097	540.812.197
- Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Cùng tập đoàn	99.256.618	106.028.776
- Nhà XBGD Việt Nam	Cùng tập đoàn	52.921.185	-
- NXBGD tại Tp. Hà Nội	Cùng tập đoàn	198.978.009	-
- Công ty CP Dịch vụ xuất bản GD Hà Nội	Cùng tập đoàn	93.277.997	-

Phải trả tiền hàng

- NXBGD tại Tp. Hà Nội	Cùng tập đoàn	-	171.257.799
- Nhà XBGD Việt Nam	Công ty mẹ	-	1.706.486.272

23 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Trần Thị Lan

Kế toán trưởng

Đinh Ngọc Thục

Giám đốc

Lập, ngày 10 tháng 01 năm 2012

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	2.877.629.520	15.785.478.006	1.167.548.638	215.105.673	20.045.761.837
Số tăng trong năm	-	12.938.340.619	-	-	12.938.340.619
- Mua sắm mới	-	12.938.340.619	-	-	12.938.340.619
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	2.877.629.520	28.723.818.625	1.167.548.638	215.105.673	32.984.102.456
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	2.532.255.376	10.677.733.173	672.187.472	215.105.673	14.097.281.694
Số tăng trong năm	130.476.571	1.402.630.364	145.266.072	-	1.678.373.007
- Trích khấu hao	130.476.571	1.402.630.364	145.266.072	-	1.678.373.007
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	2.662.731.947	12.080.363.537	817.453.544	215.105.673	15.775.654.701
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu năm	345.374.144	5.107.744.833	495.361.166	-	5.948.480.143
Số dư cuối năm	214.897.573	16.643.455.088	350.095.094	-	17.208.447.755

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.156.811.199 đồng

11 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	13.831.800.000	1.454.245.544	67.526.718	356.692.444	15.710.264.706
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	470.814.551	470.814.551
Chi trả cổ tức năm trước	-	-	(58.261.556)	(356.692.444)	(414.954.000)
Số dư cuối năm trước	13.831.800.000	1.454.245.544	9.265.162	470.814.551	15.766.125.257
Tăng vốn trong năm	12.448.620.000	-	-	-	12.448.620.000
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	(4.093.101.668)	(4.093.101.668)
Phân phối lợi nhuận	-	-	23.540.728	(23.540.728)	-
Chi trả cổ tức năm trước	-	-	-	(276.636.000)	(276.636.000)
Trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(117.703.639)	(117.703.639)
Số dư cuối năm nay	26.280.420.000	1.454.245.544	32.805.890	(4.040.167.484)	23.727.303.950

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Vốn góp của Nhà Xuất Bản Giáo dục Việt Nam	19.552.720.000	74,40%	7.106.000.000	51,37%
Vốn góp của đối tượng khác	6.727.700.000	25,60%	6.725.800.000	48,63%
	26.280.420.000	100,00%	13.831.800.000	100,00%